

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:2656 /SYT-NVY

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 9 năm 2018

V/v báo cáo tình hình hoạt động  
kiểm định máy, thiết bị, vật tư có  
yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn  
vệ sinh lao động

Kính gửi:

- Các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh;
- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Bệnh viện ngoài công lập.

Thực hiện Công văn số 146/MT-LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Cục Quản lý môi trường y tế về việc báo cáo tình hình hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ).

Căn cứ kết luận của Cục quản lý môi trường Y tế tại buổi làm việc với Trung tâm kiểm soát bệnh tật vào ngày 17/9/2018 về việc giám sát thực hiện công tác y tế lao động, y tế trường học và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

Để có số liệu báo cáo Bộ Y tế, Sở Y tế đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình hoạt động kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ liên quan đến lĩnh vực y tế với các nội dung sau:

1. Số lượng máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ (theo danh mục quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH) được kiểm định (tổng số máy, thiết bị được kiểm định lần đầu, định kỳ, số lượng máy, thiết bị không đạt yêu cầu, lý do)

2. Tình hình tai nạn liên quan đến máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

3. Những khó khăn vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác kiểm định máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ (nếu có).

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo về Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế theo địa chỉ: Số 10-12 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Huế **trước ngày 5 tháng 10 năm 2018** để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế. Mọi chi tiết xin liên hệ Khoa Bệnh nghề nghiệp-Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thừa Thiên Huế; điện thoại 0234.3933896; Email: [khoasknnhue@gmail.com](mailto:khoasknnhue@gmail.com)./.

**Nơi nhận :**

- Như trên (thực hiện);
- TT KSBT (thực hiện);
- Lưu: VT, NVY.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Nam Hùng**

## DANH MỤC

### CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
<b>Mục I Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động</b>	
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C.
2	Nồi gia nhiệt dầu.
3	Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996.
4	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 và các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức trên 210 bar.
5	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010.
6	Các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí thiên nhiên nén, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar.
7	Hệ thống cung cấp, hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan.
8	Hệ thống đường ống dẫn khí đốt cố định, đường ống, dẫn khí đốt trên biển; Hệ thống đường ống dẫn khí y tế.
9	Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:2015, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3.
10	Cần trục các loại: cần trục ô tô, cần trục bánh hơi, cần trục bánh xích, cần trục tháp, cần trục đường sắt, cần trục chân đế.
11	Cầu trục các loại: Cầu trục lặn, cầu trục treo.
12	Cổng trục các loại: Cổng trục, bán cổng trục.
13	Trục cáp chở hàng; Trục cáp chở người; Trục cáp trong các máy thi công, trục tải giếng nghiêng, trục tải giếng đứng.
14	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.
15	Xe tời điện chạy trên ray.
16	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao.
17	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.

18	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.
19	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m.
20	Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng.
21	Thang máy các loại.
22	Thang cuốn; băng tải chở người.
23	Sàn biểu diễn di động.
24	Các thiết bị trò chơi: tàu lượn, đu quay, máng trượt mang theo người lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định trừ các phương tiện thi đấu thể thao.
25	Hệ thống cáp treo chở người.
26	Tời, trục tải có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên sử dụng trong khai thác hầm lò.
27	Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò.
28	Động cơ đốt trong (thể tích Cac-te trên 0,6 m <sup>3</sup> hoặc đường kính xi lanh trên 200mm).
29	Máy biến áp phòng nổ.
30	Động cơ điện phòng nổ.
31	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (khởi động từ, khởi động mềm, Aptomat, máy cắt điện tự động, biến tần, rơ le dòng điện rò).
32	Thiết bị điều khiển phòng nổ (bảng điều khiển, hộp nút nhấn).
33	Máy phát điện phòng nổ.
34	Cáp điện phòng nổ.
35	Đèn chiếu sáng phòng nổ.
36	Máy nổ mìn điện.
37	Hệ thống cấp pha trượt.
38	Hệ thống cấp pha leo.
39	Hệ giàn thép ván khuôn trượt.
40	Máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng.
41	Máy bơm bê tông.
42	Máy thi công công trình hầm, ngầm: Máy và thiết bị trong các công nghệ đào hở; máy và thiết bị trong các công nghệ đào kín; máy thi công tuyến ngầm bằng công nghệ khiên và tổ hợp khiên; máy làm bê tông công trình ngầm.
43	Hệ giàn giáo thép; thanh, cột chống tổ hợp.
44	Sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng.
45	Đài phát thanh có công suất phát cực đại từ 150W trở lên.
46	Đài truyền hình có công suất phát cực đại từ 150W trở lên.

